

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH VIÊN QUA NGHIÊN CỨU CÁC THÀNH PHẦN VÀ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG

Lê Đăng Lăng, Trần Văn Đức⁽¹⁾, Phan Thị Kiều Lê⁽²⁾

(1) Trường Đại học Kinh tế – Luật

(2) Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm khám phá và kiểm định thang đo khái niệm đạo đức sinh viên và một số yếu tố ảnh hưởng. Phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật thảo luận nhóm để xây dựng thang đo và nghiên cứu định lượng với kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp để thu thập dữ liệu. Tổng cộng có 480 bảng câu hỏi hoàn chỉnh được thực hiện ở thành phố Hồ Chí Minh. Thang đo được kiểm định bởi phân tích EFA, độ tin cậy Cronbach's alpha và CFA. Giả thuyết được kiểm định bởi mô hình SEM. Kết quả nghiên cứu chỉ ra đạo đức sinh viên được đo lường bởi: thái độ với đạo đức, thái độ học tập, thái độ sinh hoạt; chất lượng chương trình và năng lực tương tác của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến các thành phần của đạo đức sinh viên. Từ đó kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục đạo đức cho sinh viên, bài báo nêu lên một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng.

Từ khóa: đạo đức sinh viên, thái độ, giáo dục đạo đức

*

1. Giới thiệu

Đạo đức học đường đang là một vấn đề thời sự (Hoài, 2012). Chúng ta có thể hiểu rõ hơn thực trạng này thông qua kết quả khảo sát của Huỳnh Văn Sơn và cộng sự (2009): “36% sinh viên cho biết làm việc theo lương tâm sẽ bị thua thiệt; 32% chấp nhận hành vi vô ơn; 41% bảo rằng không nhất thiết phải sống cao thượng; 28% có tư tưởng trả thù, báo oán; 18% nói sẵn sàng đưa lợi ích cá nhân lên trên hết; 60% đổ mọi trách nhiệm nuôi dạy con cái lên cha mẹ”. Điều này cho thấy vấn đề giáo dục đạo đức sinh viên trong trường hiện nay cần phải được quan tâm hơn nữa. Bên cạnh đó, để xây dựng được giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh viên

trong trường thì cần làm rõ khái niệm đạo đức sinh viên trong trường và các yếu tố tác động. Nhưng nhiều nghiên cứu tại Việt Nam chưa làm rõ hai vấn đề này, trong khi các nhà nghiên cứu hàn lâm trên thế giới cũng đã nghiên cứu khá nhiều về vấn đề đạo đức sinh viên, nhưng được thực hiện trong một nền văn hóa khác biệt với Việt Nam. Chẳng hạn nghiên cứu về cách hình thành đạo đức của sinh viên Trung Quốc do Alan Au và cộng sự (2006) thực hiện, hay nghiên cứu nhận thức về đạo đức của sinh viên đại học của Linda K.Lau et (2012) tại Mĩ. Những nghiên cứu này có đóng góp tích cực cho ngành giáo dục, nhưng những tiêu chí về đạo đức tại mỗi quốc gia rất khác nhau nên để hiểu rõ vấn đề này

cần có nghiên cứu tại Việt Nam. Do đó, làm rõ khái niệm đạo đức sinh viên trong trường và những yếu tố tác động rất cần thiết để từ đó xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh viên trong trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Nghiên cứu các thành phần và yếu tố tác động đạo đức sinh viên

2.1. Các thành phần cấu thành đạo đức sinh viên

Theo Neil Eddington & Richard Shuman (2008), đạo đức là những tiêu chuẩn phẩm chất được đưa ra bởi một người hay một nhóm người nhằm cung cấp những qui định về cách ứng xử phù hợp; còn Bersoff (1996) cho rằng cách ứng xử có đạo đức là kết quả của sự hiểu biết về những nguyên tắc triết học làm cơ sở cho các chuẩn mực đạo đức như cách ứng xử bắt nguồn từ tính cách đúng đắn dẫn đến hành vi, điển hình như tính thành thực, lương tri... hoặc theo Belmont (1979), các nguyên tắc đạo đức cơ bản qui định những phẩm chất tổng thể cần có trong việc đáp ứng một cách cơ bản những phong tục – tập quán đạo đức đặc thù và đánh giá hành động của con người, trong đó có ba nguyên tắc cơ bản là sự tôn trọng người khác, lòng thương người và tính công bằng. Hơn nữa, mỗi lĩnh vực lại có những qui định về đạo đức khác nhau. Chẳng hạn, theo Remley (1996), đạo đức trong ngành sức khỏe-tâm lý được chi phối bởi các luật và qui định; trong đó luật qui định những tiêu chuẩn tối thiểu mà xã hội chấp nhận và được thúc đẩy thực hiện bởi chính phủ, còn đạo đức thể hiện những tiêu chuẩn tối đa hay lí tưởng, được tạo ra bởi ngành nghề và được quản lí bởi hiệp hội ngành nghề, tổ chức chứng nhận và chính phủ. Thêm vào đó, theo Linda K.Lau et al (2012), thái độ của sinh viên đối với vấn đề đạo đức

cũng là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức của sinh viên. Từ cơ sở lí thuyết về vấn đề đạo đức này và theo kết quả nghiên cứu của Lê Đăng Lăng (2012) tại Việt Nam cho thấy đạo đức sinh viên trong trường học là một khái niệm đa hướng, được đo lường bằng các thành phần: thái độ với đạo đức, thái độ sinh hoạt và thái độ học tập. Cụ thể hơn, thành phần **thái độ với đạo đức** được đo lường bởi bốn biến quan sát (phát biểu) là GT1 (*lễ độ với giảng viên, chuyên viên và cán bộ công nhân viên*), GD3 (*cho rằng đạo đức rất quan trọng đối với sinh viên*), GD4 (*luôn giữ cho bản thân cũng như người khác có đạo đức tốt*) và GT2 (*hòa nhã với bạn bè*); **thái độ sinh hoạt** được đo lường bởi hai biến quan sát SH2 (*tham gia tích cực các hoạt động xã hội*) và SH1 (*nhật tì tham gia các hoạt động phong trào của trường*); **thái độ học tập** được đo lường bởi hai biến quan sát VH2 (*đi học đầy đủ*) và VH1 (*vào lớp đúng giờ*). Hơn nữa, thang đo các thành phần đo lường khái niệm đạo đức sinh viên trong trường học đều đã được kiểm định độ tin cậy, tính đơn nguyên, giá trị hội tụ và tính phân biệt bởi kĩ thuật phân tích nhân tố khám phá EFA, hệ số tin cậy Cronbach' alpha và phân tích nhân tố khẳng định CFA.

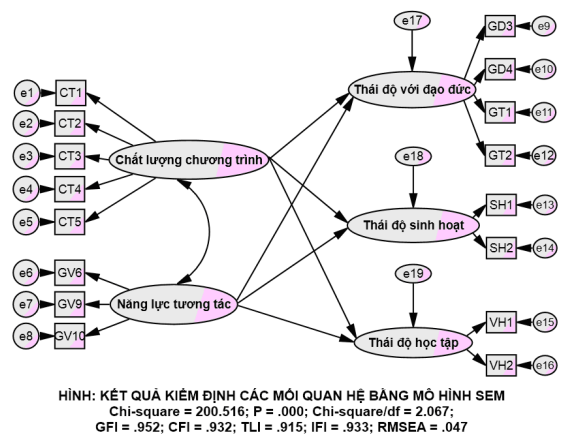
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến đạo đức sinh viên

Những nghiên cứu về ảnh hưởng của môi trường học đến đạo đức sinh viên đến nay chưa có sự thống nhất (Alan Au et al, 2006). Một số nhà nghiên cứu đã phát hiện có mối quan hệ giữa nghề nghiệp theo đuổi được đào tạo và tiêu chuẩn đạo đức của cá nhân (Cohen và cộng sự 1993, Fraft 1991), những nghiên cứu khác lại phát hiện rằng sinh viên học kinh doanh thì ít có đạo đức hơn sinh viên không học kinh doanh (Arlow 1991, Coleman

and Mahaffey 2000); hay các đặc tính nhân khẩu học của sinh viên có ảnh hưởng đến đạo đức của sinh viên, cụ thể là sinh viên nữ có đạo đức hơn sinh viên nam (Coleman and Mahaffey 2000; Lawson 2004), trong khi những nhà nghiên cứu khác (Coate and Frey 2000) đã không tìm thấy mối quan hệ này. Thêm vào đó, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng tuổi và trình độ học vấn là những yếu tố ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đạo đức của sinh viên bên cạnh yếu tố nghề nghiệp của bố mẹ và tôn giáo (Lawson 2004; Wimalasiri 2004), trong khi nghiên cứu của Alan Au et al (2006) tại Trung Quốc tôn giáo không liên quan mà đạo đức sinh viên được hình thành từ nền tảng cá nhân của họ, cụ thể là lĩnh vực học tập, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp của bố mẹ, thu nhập, ý định nghề nghiệp, và thái độ đối với rủi ro. Theo kết quả nghiên cứu của Lê Đăng Lăng (2013) tại Việt Nam thì *chất lượng chương trình* và *năng lực tương tác* của giảng viên có ảnh hưởng đến các thành phần của đạo đức sinh viên trong trường học.

Cụ thể, chất lượng chương trình được đo lường bằng 5 biến quan sát: CT1 (*chương trình dạy gắn liền với nhu cầu doanh nghiệp – xã hội*), CT2 (*chương trình dạy không quá chú trọng lý thuyết*), CT3 (*chương trình dạy đưa các môn học hay chuyên đề về giáo dục đạo đức cho sinh viên*), CT4 (*các môn học gắn liền với thực tế*) và CT5 (*các môn học đều có bài tập nhóm hoặc tiểu luận, thực hành để sinh viên làm*); năng lực tương tác được đo lường bằng 3 biến quan sát: GV6 (*phong cách, bao gồm trang phục khi giảng dạy*), GV9 (*học vị, bao gồm học hàm của giảng viên*) và GV10 (*thái độ của giảng viên trong quan hệ với đồng nghiệp*). Chất lượng chương trình và

năng lực tương tác có ảnh hưởng tỉ lệ thuận (tích cực) với tất cả các thành phần của đạo đức sinh viên trong trường học (thái độ sinh hoạt, thái độ học tập và thái độ với đạo đức); đồng thời năng lực tương tác có ảnh hưởng đến đạo đức sinh viên trong trường cao hơn chất lượng chương trình. Hơn nữa, năng lực tương tác tác động đến thái độ sinh hoạt là mạnh nhất, kế tiếp là với thái độ với đạo đức, thấp nhất là thái độ học tập; còn chất lượng chương trình thì tác động mạnh nhất đến thái độ với đạo đức, kế tiếp là thái độ học tập và cuối cùng là thái độ sinh hoạt. Mô hình biểu diễn mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và các thành phần của đạo đức sinh viên trong trường học như sau:



3. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh viên

Thái độ với đạo đức được đo lường bằng các biến GT1, GD3, GD4 và GT2 cho thấy sinh viên vẫn rất coi trọng vấn đề đạo đức, cũng như lễ giáo. Phát hiện này cho thấy mặc dù hiện nay một số sinh viên có những suy nghĩ có phần lệch lạc nhưng nhìn chung sinh viên vẫn quan tâm đến các giá trị đạo đức, bằng chứng là sinh viên xem các yếu tố này là những thành phần của đạo đức sinh

viên trong trường. Cụ thể là sinh viên coi việc lễ phép với thầy cô, hòa nhã với bạn bè, luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức và giữ cho bản thân cũng như những người xung quanh có đạo đức tốt là những yếu tố - tiêu chuẩn thể hiện đạo đức của sinh viên trong trường. Phát hiện này có thể là một nguồn động viên lớn để những thầy cô cũng như những nhà quản lý giáo dục có cái nhìn tích cực và tiếp tục quan tâm hơn trong việc định hướng, giáo dục sinh viên không chỉ đến trường học kiến thức chuyên môn mà còn học “làm người”.

- Thái độ sinh hoạt được đo lường bởi biến SH2 và SH1 thể hiện sinh viên xem việc tham gia các hoạt động phong trào và xã hội trong trường cũng là cách thức thể hiện đạo đức của mình. Từ phát hiện này, các nhà quản lý giáo dục có thể đẩy mạnh các hoạt động phong trào trong trường cho sinh viên tham gia xem như là một trong những hình thức giáo dục đạo đức sinh viên, đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng mềm cần thiết.

- Thái độ học tập được đo lường bởi các biến VH2 và VH1. Điều này thể hiện sinh viên xem việc đi học đầy đủ và vào lớp đúng giờ là những yếu tố thể hiện đạo đức của sinh viên trong trường. Từ đó, các nhà quản lý giáo dục có thể xem xét sử dụng các yếu tố này như những tiêu chuẩn để đánh giá và giáo dục đạo đức sinh viên cũng như làm thông điệp truyền thông giáo dục đạo đức sinh viên trong trường. Và để việc giáo dục hiệu quả thì cần thiết phải đưa tiêu chí đi học đầy đủ, đúng giờ vào là một trong những tiêu chí đánh giá điểm quá trình của các môn học.

- Nhà trường có những quy định cụ thể về trang phục cũng như thái độ của giảng

viên khi đến trường và chính sách cụ thể khuyến khích giảng viên tiếp tục nghiên cứu nâng cao học vị, học hàm cũng như năng lực sư phạm (chiến lược, phương pháp giảng dạy). Bên cạnh đó nhà trường cũng cần hỗ trợ sinh viên làm quen với các phương pháp học tập ở đại học, đặc biệt là các phương pháp học tập chủ động nhằm nâng cao hiệu quả tương tác giữa giảng viên và sinh viên, đồng thời nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

- Cần xây dựng chương trình giảng dạy đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp - xã hội, các môn học gắn liền thực tiễn với bài tập nhóm để sinh viên thực hiện, đồng thời đưa môn học giáo dục đạo đức vào giảng dạy. Giải pháp gợi ý là nhà trường khảo sát, phân tích nhu cầu xã hội cũng như tham khảo kết cấu chương trình học của các trường hàng đầu trong và ngoài nước, bao gồm số môn học và nội dung tổng thể của từng môn, trước khi thiết kế chương trình học. Khi thiết kế chương trình tránh tính hình thức, trào lưu và tăng thêm khối lượng kiến thức chuyên ngành, đưa thêm những môn học có tính thực tiễn, thậm chí là những môn đào tạo kỹ năng vào giảng dạy. Cần lưu ý rằng những môn học có mục đích đào tạo kỹ năng không nhất thiết tên môn học phải có chữ “kỹ năng” mà do thiết kế nội dung môn học và người giảng dạy; đồng thời trong quá trình thiết kế chương trình và môn học cũng nên đa dạng đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện, bao gồm những người có kinh nghiệm thực tiễn và những chuyên gia đầu ngành. Hơn nữa, cần vận dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài giảng cũng như sử dụng giáo án điện tử trong quá trình giảng dạy và xây dựng thư viện điện tử cho sinh viên. Tuy nhiên cần chú ý rằng việc

giáo dục hiệu quả kiến thức thực tế, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho sinh viên chủ yếu phải được tích hợp vào nội dung giảng dạy và học tập các môn học của chương trình đào tạo.

Để thực hiện hiệu quả chương trình đào tạo như đã nêu trên thì các trường cần chú trọng cải thiện môi trường dạy và học, chất lượng các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên,

đặc biệt là cơ sở vật chất của nhà trường. Tóm lại, để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh viên trong trường thì cần phải có một hệ thống các giải pháp tổng thể từ nhà trường đến gia đình và xã hội. Về phía nhà trường, giải pháp nâng cao giáo dục đạo đức sinh viên trong trường là nâng cao năng lực tương tác của giảng viên và chất lượng chương trình đào tạo.

*

SOLUTIONS FOR ENHANCING THE EFFECTIVENESS OF ETHICS EDUCATION FOR STUDENTS THROUGH RESEARCH ON INFLUENTIAL COMPONENTS AND FACTORS

Le Dang Lang⁽¹⁾, Tran Van Duc⁽¹⁾, Phan Thi Kieu Le⁽²⁾

(1) University Of Economics And Law (VNU-HCM), (2) Customs Department Of Ho Chi Minh City

ABSTRACT

The purpose of this research is to discover and verify the students' ethics scale and some influential factors. The qualitative research method with group discussion technique was used to build the measuring scale and quantitative research with direct interview technique to collect data. There were a total of 480 complete questionnaires conducted in Ho Chi Minh City. The measuring scale was verified by the analyses of EFA, the Cronbach's Alpha reliability and CFA. The theory was tested by SEM model. The result showed that students' ethics is measured with the attitude to moral principles, the attitude to study, the attitude to activities, the program quality and the teachers' interactive abilities influencing the students' ethics components. From the result of the research on factors that affect the education of ethics for students, the article suggests some solutions to enhance the effectiveness of ethics education for students, and to improve the training quality at colleges and universities.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alan Au et al (1991), "How Ethical are University Students in the People's Republic of China - A Preliminary Analysis", *The International Indigenous Journal of Entrepreneurship, Advancement, Strategy and Education*, 2 (1), 2006.
- [2] Arlow, "Personal Characteristics in College Students' Evaluations of Business Ethics and Corporate Social Responsibility", *Journal of Business Ethics*, 10, 63-69.
- [3] Coate & Frey (2000), "Some Evidence on the Ethical Disposition of Accounting Students: Context and Gender Implications," *Teaching Business Ethics*, 4, 379-404.
- [4] Cohen et al (1993) "A Validation and Extension of a Multidimensional Ethics Scale", *Journal of Business Ethics*, 12, 13-26.

- [5] Coleman & Mahaffey (2000), “Business Student Ethics: Selected Predictors of Attitudes Toward Cheating”, *Teaching Business Ethics*, 4, 121-136.
- [6] Hà Thị Thu Hoài (2012), “Nhìn nhận về giáo dục đạo đức trong nhà trường hiện nay”, *Giáo dục & Thời đại online*.
- [7] Kraft (1991), “The Relative Importance of Social Responsibility in Determining Organizational Effectiveness: Student Responses”, *Journal of Business Ethics*, 10, 179-188, 1991
- [8] Lawson (2004), “Is Classroom Cheating Related to Business Students’ Propensity to Cheat in the “Real World”?”, *Journal of Business Ethics*, 49, 189-199.
- [9] Lê Đăng Lăng (2012), “Các thành phần cấu thành đạo đức sinh viên trong trường học”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 10 (59), 86-91.
- [10] Lê Hữu Ái & Lê Thị Tuyết Ba (2004), “Các nội dung và hình thức giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Đà Nẵng hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 1(5), 62-66.
- [11] Linda K. Lau et al (2012), “College students’ perception of ethics”, *Journal of Academic and Business Ethics*, 5.
- [12] Neil Eddington & Richard Shuman (2008), “Ethics and Boundary Issues”, *Continuing Psychology Education Inc*, 1-18.
- [13] Nguyễn Thanh Hòa (2005), “Vận dụng quan điểm quản lý chất lượng tổng thể vào quản lý giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng; 4(12), 79-87.
- [14] The Belmont Report (1979), “Ethical Principles and Guidelines for the Protection of Human Subjects of Research”, 18/04/1979. <http://www.hhs.gov/ohrp/policy/belmont.html>
- [15] Wimalasiri (2004), “Contrasts in Moral Reasoning Capacity: The Fijians and the Singaporeans”, *Journal of Business Ethics*, 49, 253-272.